

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**VIỆN ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC**



**TIỂU LUẬN TRIẾT HỌC**

***Đề tài số3:***

**“SỰ TƯƠNG ĐỒNG VÀ KHÁC BIỆT GIỮA NHO GIA VÀ ĐẠO GIA  
Ở TRUNG QUỐC THỜI CỔ ĐẠI”**

**GVHD: TS. Bùi Văn Mưa**

**HVTH: Hà Thị Sen**

**STT :56**

**Nhóm: 6**

**Lớp : Cao học Ngày 4 – K22**

**Tp. Hồ Chí Minh, tháng 12 2012**

# Mục lục

<b>LỜI MỞ ĐẦU .....</b>	<b>Trang 2</b>
 <b>CHƯƠNG I: Giới thiệu về Nho Gia và Đạo gia</b>	
<b>1.1. Khái quát về Nho Gia .....</b>	<b>Trang 3</b>
1.1.1 Lịch sử hình thành.....	Trang 3
1.1.2 Một số tư tưởng triết học cơ bản.....	Trang 3
<b>1.2. Khái quát về Đạo Gia.....</b>	<b>Trang 5</b>
2.1.1 Lịch sử hình thành.....	Trang 5
2.1.2 Một số tư tưởng triết học cơ bản.....	Trang 5
 <b>CHƯƠNG II: Sự tương đồng và khác biệt giữa Nho Gia và Đạo gia ....</b>	
<b>2.1. Vũ trụ quan và nhân sinh quan .....</b>	<b>Trang 8</b>
<b>2.2. Quan điểm về chính trị - xã hội .....</b>	<b>Trang 11</b>
<b>2.3. Quan điểm về giáo dục.....</b>	<b>Trang 12</b>
<b>2.4. Một số tư tưởng biện chứng .....</b>	<b>Trang 12</b>
 <b>KẾT LUẬN .....</b>	 <b>Trang 14</b>

## **LỜI MỞ ĐẦU**

Văn minh Trung Hoa là một trong những nền văn minh xuất hiện sớm nhất trên thế giới với hơn 4000 năm phát triển liên tục, với nhiều phát minh vĩ đại trong lịch sử trên nhiều lĩnh vực khoa học. Bên cạnh những phát minh, phát kiến về khoa học, văn minh Trung Hoa còn là nơi sản sinh ra nhiều học thuyết triết học lớn có ảnh hưởng đến nền văn minh Châu Á cũng như toàn thế giới.

Trong số các học thuyết triết học lớn đó phải kể đến trường phái triết học Nho gia và đạogia. Nho gia và Đạo gia là hai trường phái triết học lớn, được hình thành và phát triển trong thời Xuân thu, Chiến quốc. Hai trường phái triết này có ảnh hưởng lớn đến thế giới quan của Triết học sau này, không những của người Trung Hoa mà cả những nước chịu ảnh hưởng của nền Triết học Trung Hoa, trong đó có Việt Nam.

Nho gia đã để lại cho đời những tư tưởng triết học về luân lý, đạo đức chính trị – xã hội rất sâu sắc và vô cùng quý giá. Trong khi đó, Đạo gia đã cung cấp cho chúng ta một số hạt nhân hợp lý về sự tồn tại, vận động và biến đổi không ngừng của thế giới khách quan, độc lập với ý thức con người. Hé lộ cho chúng ta những khát vọng chân chính về một xã hội công bằng, bình đẳng, xóa bỏ mọi bất công, áp bức, bóc lột, con người được sống tự do.

Bài viết này sẽ giới thiệu về sự hình thành và phát triển cũng như những tư tưởng cơ bản của hai trường phái triết học Nho gia (nguyên thủy) và Đạo gia, phân tích những nét tương đồng và khác biệt giữa hai trường phái triết học này. Từ đó rút ra ý nghĩa phương pháp luận trong nhận thức và trong hoạt động thực tiễn.

Tài liệu chính người viết sử dụng là cuốn “Triết học phần I – Đại cương về lịch sử triết học dành cho học viên cao học & nghiên cứu sinh” – Tiểu ban triết học, khoa lý luận chính trị trường Đại học Kinh tế TP. HCM; và những kiến thức đã được TS. Bùi Văn Mưa truyền dạy và hướng dẫn. Ngoài ra người viết cũng tham khảo một số tài liệu khác về lịch sử triết học phương Đông, triết học trung Quốc, và một số bài viết về Nho gia và Đạo gia. Tuy nhiên do còn nhiều hạn chế về thông tin, nên bài viết có thể còn nhiều thiếu sót. Mong thầy góp ý để bài tiểu luận được tốt hơn.

## **CHƯƠNG I: Giới thiệu chung về Nho gia và Đạo gia**

### **1.1. Khái quát về Nho Gia**

#### ***1.1.1 Lịch sử hình thành***

“Nho gia là một trường phái triết học lớn, được hoàn thiện liên tục và có ảnh hưởng sâu rộng, lâu dài đến nền văn hóa tinh thần của Trung Quốc nói riêng và của nhiều quốc gia phương Đông nói chung.”

“Khổng tử sang lập ra Nho gia vào cuối thời Xuân Thu, rất quan tâm đến vấn đề đạo đức – chính trị- xã hội. Đến thời Chiến Quốc, do bất đồng về bản tính con người, Nho gia chia thành 8 phái trong đó có phái của Tuân Tử, Mạnh Tử là mạnh nhất. Mạnh Tử đã có nhiều đóng góp đáng kể cho sự phát triển của Nho gia nguyên thủy, ông đã khép lại một giai đoạn quan trọng – giai đoạn hình thành Nho gia, vì vậy nho gia Khổng – Mạnh còn được gọi là Nho gia nguyên thủy hay Nho gia tiên Tần.” (Triết học– Phần 1 cho học viên cao học và nghiên cứu sinh, Bùi Văn Mưa, 2011).

Nho gia tiếp tục phát triển qua nhiều triều đại tiếp theo (Hán Nho, Tống Nho...) và tiếp tục chi phối đời sống tư tưởng xã hội Trung Quốc, trở thành hệ tư tưởng chỉ đạo đường lối trị nước ở Trung Quốc trên 2000 năm.

Trong phạm vi đề tài này, người viết chỉ tập trung vào sự phát triển của Nho gia trong thời kỳ Xuân Thu- Chiến Quốc, tức thời kỳ Nho gia nguyên thủy.

#### ***1.1.2 Một số tư tưởng triết học cơ bản***

Nho giáo nguyên thủy là triết lý của Khổng Tử, Mạnh Tử về đạo làm người quân tử và cách thức trở thành người quân tử, các cai trị đất nước. Nó được trình bày trong một hệ thống các tư tưởng về đạo đức-chính trị-xã hội có quan hệ chặt chẽ với nhau, được thể hiện ở những tư tưởng chủ yếu sau:

*Thứ nhất, Nho gia coi các quan hệ chính trị- đạo đức là nền tảng của gia đình- xã hội, đề cao vai trò của những quan hệ ấy và thu tóm những quan hệ này vào ba rường mối chủ đạo – gọi là tam cương: đó là quan hệ “vua – tôi”, “cha-con”, “vợ-chồng”. Nếu xếp theo tôn ty trên dưới, thì vua ở vị trí cao nhất, nếu xếp theo chiều ngang của quan hệ thì vua – cha- chồng là người làm chủ. Điều này phản ánh tư tưởng chính trị quân quyền, và phụ quyền của Nho gia. Các quan hệ này được nho gia gọi là “đạo”. Nếu các quan hệ này chính danh (tức là vua ra vua, cha ra cha, con ra con, chồng ra*

chồng, vợ ra vợ) thì xã hội ổn định, gia đình yêu vui, và ngược lại... Để thực hiện chính danh, Khổng tử đặc biệt coi trọng nhân trị.

*Thứ hai*, xuất hiện trong thời Xuân Thu Chiến quốc, xã hội loạn lạc, lý tưởng của Nho gia là xây dựng một “*xã hội đại đồng*”. Đó là xã hội có trật tự trên dưới, có vua sáng – tôi hiền cha tử - con thảo, trong ấm- ngoài êm trên cơ sở địa vị và thân phận của mỗi thành viên từ vua chúa, quan lại đến thứ dân. Trong việc trị nước cũng như tu thân, học đạo sửa mình để đạt được đức nhân, “*lễ*” được Khổng Tử rất mực chú trọng. “*Lễ*” ở đây là những quy phạm nguyên tắc đạo đức. Ông cho rằng vua không giữ đúng đạo vua, cha không giữ đúng đạo cha, con không giữ đúng đạo con nên thiên hạ vô đạo. Phải dùng lễ để khôi phục chính danh. Do vậy để xây dựng xã hội đại đồng, Nho gia lấy giáo dục đạo đức là cứu cánh.

*Thứ ba*, Nho gia xây dựng hệ thống phạm trù đạo đức với các quan niệm về *nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, dũng*.

*Nhân* được coi là nguyên lý đạo đức cơ bản, quy định bản tính con người, chi phối mọi quan hệ giữa người với người trong xã hội. Người có đức nhân thì bên ngoài xã hội luôn cung, khoan, tín, mẫn, huệ... bên trong gia đình thì luôn hiếu, đễ. Theo Khổng tử, chỉ có người quân tử tức kẻ cai trị mới có đức nhân, còn người tiểu nhân tức nhân dân lao động, không thể có được đức nhân. Đạo nhân chỉ là đạo của người quân tử.

*Nghĩa* được hiểu là những gì hợp đạo lý mà con người phải làm. Khổng tử cho rằng con người muốn sống tốt phải lấy nghĩa để đáp lại lợi, chứ không nên lấy lợi đáp lại lợi.

*Lễ* trước hết được hiểu là những lễ giáo phong kiến, như những phong tục tập quán, thể chế pháp luật của nhà nước...; sau đó được hiểu là luân lý đạo đức như ý thức, thái độ, hành vi ứng xử... Nhân và lễ có quan hệ mật thiết, nhân là nội dung bên trong của lễ, lễ là hình thức biểu hiện nhân ra bên ngoài.

*Trí* là sự sáng suốt nhận thức thấu đáo mọi việc, hiểu đạo trời, đạo người, biết sống hợp với nhân. Muốn có nhân phải có trí, muốn có trí thì phải học. Khi học cần coi trọng mối liên hệ mật thiết giữa: tư- lập – hành.

*Tín* là lòng ngay dạ thẳng, tín là đức trong mối quan hệ bạn bè. Tín củng cố sự tin cậy giữa người với người, Khổng tử cho rằng, đối với người trị nước, trị dân, nếu dân không tin thì không thể cai trị được.

*Dũng* là sức mạnh tinh thần, lòng can đảm, biết vứt bỏ cái sai để làm theo nhân nghĩa.

*Thứ tư*, những phạm trù đạo đức của Nho gia hướng tới xây dựng mẫu người quân tử. Khổng tử cho rằng, người quân tử có đủ *tam đức* (trí, nhân, dũng), còn Mạnh tử cho rằng người quân tử có đủ *tứ đức* (nhân, lễ, nghĩa, trí). Muốn trở thành người quân tử phải tu thân. Để tu thân cần phải đạt đạo mà trước hết là đạo quân – thần, phụ – tử, phu – phụ và cần phải đạt đức, đồng thời phải biết thi, lễ nhạc. Người quân tử phải lấy tu thân làm gốc, đồng thời phải biết tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Để hành động hiệu quả, người quân tử phải thực hành đường lối nhân trị, và chính danh. Chỉ có như vậy người quân tử - giai cấp cai trị mới xây dựng được xã hội đại đồng.

Như vậy, Nho gia nguyên thủy làm nổi bật khía cạnh xã hội của con người, tuy nhiên khía cạnh xã hội của con người đã bị hiểu một cách duy tâm.

Nho gia nguyên thủy khao khát cải biến xã hội thời Xuân thu – Chiến Quốc từ loạn thành trị, xây dựng xã hội đại đồng. Nhưng chủ trương xây dựng xã hội đại đồng của Nho giáo chỉ dừng lại ở lý tưởng do chủ trương duy tâm, ảo tưởng xa rời thực tế cuộc sống.

Mặc dù còn nhiều hạn chế, nhưng Nho gia nguyên thủy Khổng Mạnh chứa đựng nhiều giá trị nhân bản và toát lên tinh thần biện chứng sâu sắc.

## **1.2. Khái quát về Đạo Gia**

### **1.2.1 Lịch sử hình thành**

Đạo gia là tên gọi với tư cách một trường phái triết học lớn, lấy tên của phạm trù “Đạo”, một phạm trù trung tâm và nền tảng của nó.

Nguồn gốc tư tưởng của đạo gia xuất phát từ những quan điểm về vũ trụ luận, thiên địa, ngũ hành, âm dương, kinh dịch...

Đạo gia ra đời và phát triển rực rỡ từ cuối thời Xuân Thu đến cuối thời Chiến quốc, và sau đó có tác động to lớn đến nhiều lĩnh vực kinh tế, chính trị, triết học, văn chương, nghệ thuật... ở Trung Quốc và một số nước châu Á khác.

Đạo gia được Lão Tử sáng lập ra và sau đó được Trang Tử phát triển thêm vào thời chiến quốc. Các tư tưởng của Đạo gia chủ yếu được tập trung lại trong bộ *Đạo Đức kinh* và *Nam Hoa kinh*.

### **1.2.2 Một số tư tưởng triết học cơ bản**

Về cơ bản, tư tưởng triết học chính yếu của Đạo gia đều thống nhất trên nền tảng các quan điểm về Đạo, tư tưởng biện chứng và quan điểm “vô vi”. Dưới đây xin trình bày khái quan về ba quan điểm triết học đó.

*Thứ nhất, quan điểm về “Đạo” và “Đức”, “Đạo” là phạm trù triết học để chỉ bản nguyên vô hình, phi cảm tính, phi ngôn từ, sâu kín huyền diệu của vạn vật, vừa để chỉ con đường, quy luật chung của mọi sự sinh thành, biến hóa xảy ra trong thế giới. Còn “Đức” theo Đạo gia là phạm trù triết học dùng để thể hiện sức mạnh tiềm ẩn của đạo, là cái hình thức nhờ đó vạn vật được định hình và phân biệt được với nhau. ((Triết học– Phần 1 cho học viên cao học và nghiên cứu sinh, Bùi Văn Mưa, 2011)*

*“Đạo mà ta có thể nói đến được không phải là Đạo thường còn. Danh mà ta có thể gọi được, không phải là Danh thật sự. Vô danh là gốc của thiên địa, hữu danh là mẹ của vạn vật” (Đạo Đức Kinh). Khái niệm đạo được xem là siêu việt, vượt lên trên mọi khái niệm, vì nó là cơ sở của tồn tại và phi tồn tại, ta không thể luận đàm, định nghĩa được. Đạo sinh ra âm dương và nhờ sự chuyển động của âm dương mà phát sinh thế giới thiên hình vạn trạng. “Vạn vật trong trời đất sanh từ hữu, hữu sanh từ vô. Hữu vô đều từ thiên đạo” (Đạo đức kinh). Đạo gia xem đạo là nguồn gốc sinh ra vạn vật, đức nuôi nấng, bảo tồn vạn vật. Đạo sinh ra một (khí thống nhất), một sinh ra hai (âm, dương đối lập), Hai sinh ra Ba (trời, đất, người), Ba sinh ra vạn vật.*

*Thứ hai, quan niệm về tính biện chứng của thế giới không tách rời những quan niệm về "Đạo", trong đó bao hàm những tư tưởng chủ yếu sau:*

Mọi hiện hữu đều biến dịch theo nguyên tắc "*bình quân*" và "*phản phục*" (cân bằng và quay trở lại cái ban đầu).

Các mặt đối lập trong thế thống nhất, quy định lẫn nhau, là điều kiện tồn tại của nhau, trong cái này đã có cái kia.

Do nhấn mạnh nguyên tắc "*bình quân*" và "*phản phục*" trong biến dịch nên Đạo gia không nhấn mạnh tư tưởng đấu tranh với tư cách là phương thức giải quyết mâu thuẫn nhằm thực hiện sự phát triển; trái lại, đã đề cao tư tưởng điều hòa mâu thuẫn, coi đó là trạng thái lý tưởng. Bởi vậy triết học Đạo gia không bao hàm tư tưởng về sự phát triển.

*Thứ ba, Đạo gia xây dựng quan điểm “vô vi” về chính trị xã hội.*

Vô vi theo Đạo gia không có nghĩa là không làm gì, không có hoạt động gì, mà là phải tiến hành các hoạt động một cách tự nhiên, thuận phác, không làm trái với Đạo, không cố gắng hoạt động mang tính giả tạo, gượng ép, thái quá, bất cập. Bởi vì *“Đạo đức là cái luật tự nhiên, không cần tranh mà thắng, không cần nói mà ứng nghiệm, không cần mời mà các vật vẫn theo về, lờ mờ mà hay mưu tính”*(Đạo đức kinh)

Về mặt chính trị xã hội, Đạo gia chủ trương đường lối trị quốc theo đạo “vô vi”, chống lại chủ trương hữu vi, cùng mọi chuẩn mực đạo đức, và thể chế pháp luật, coi đó là sự áp đặt, cưỡng chế, can thiệp vào bản tính tự nhiên của con người. Đó là nguyên nhân gây ra nhiều tội ác và bất ổn. *“Nước nào chính sự lờ mờ thì dân thuần thực, nước nào chính sự ràng rịt thì dân lao đao”*.(Đạo đức kinh).

Những tư tưởng sâu sắc và độc đáo về đạo, về đức, về phép biện chứng và về vô vi trong hệ thống triết học của Lão tử đã nâng ông lên vị trí những nhà triết học hàng đầu trong nền triết học Trung Quốc cổ đại. Tuy nhiên cách sống dửng dưng, thoát tục, vị ngã của trường phái Đạo gia là một phản ứng tiêu cực trước sự bế tắc của thời cuộc bấy giờ.



## **CHƯƠNG II: Sự tương đồng và khác biệt giữa Nho Gia và Đạo gia**

### **2.1. Vũ trụ quan và nhân sinh quan.**

Hai trường phái tư tưởng này nói chung đều bày tỏ quan điểm về nhân sinh quan và vũ trụ quan. Tuy nhiên, nội dung của Nho gia hầu như đặt trọng tâm ở những vấn đề của thế sự, xã hội. Đó là các vấn đề chính trị, pháp luật, việc trị - loạn, việc bình định xã hội, quan điểm về giá trị đạo đức, thẩm mỹ... Đây đều là những vấn đề về nhân sinh quan. Như vậy Nho gia đặt phần nhân sinh quan làm nội dung nền móng, ngược lại, Đạo gia đặt phần vũ trụ quan làm nền móng. Lão Tử đã xây dựng một học thuyết hoàn chỉnh về vũ trụ quan làm cơ sở cho một nhân sinh quan và một chính trị quan mới mẻ; nhân sinh quan và chính trị quan chỉ là tự nhiên quy kết của phần vũ trụ quan.

#### **\* Về vũ trụ quan:**

- **Khởi nguyên vũ trụ:** Cả hai trường phái đều đề cập đến khởi nguyên vũ trụ bắt nguồn từ “đạo”.

+ *Nho gia*: “Đạo” hay “thiên lý” là cái huyền vi, sâu kín, mầu nhiệm, mạnh mẽ, lưu hành khắp vũ trụ, định phép sống cho vạn vật, con người ta không thể cưỡng lại được nên Khổng Tử gọi đó là “Thiên Mệnh”. Sự hiểu biết được thiên mệnh là điều kiện tiên quyết để trở thành con người hoàn thiện (Bùi Văn Mura & tiểu ban triết học, *Triết học phần I: Đại cương về lịch sử triết học*, tr.58, 2010, ĐHKHT, HCM). Đã tin có mệnh biết mệnh, thì phải sợ mệnh và thuận mệnh.

+ *Đạo gia*: “Đạo” là nguồn gốc sinh ra vạn vật. Lão tử nói, *Đạo sinh ra nó (vạn vật), Đức chứa đựng nó, rồi thì vật chất khiến nó thành hình, hoàn cảnh khiến nó thành vật. Đạo sinh ra nó, Đức súc tích nó, làm cho nó lớn, làm cho nó sống, làm cho nó hiện ra hình, làm cho thành ra chất, và nuôi nấng che chở nó.*(Đạo đức kinh).

Đạo là cái bản nguyên, sâu kín, huyền diệu, là thực thể vật chất của khối “hỗn độn”, “mập mờ”, “thấp thoáng”, không có đặc tính, không có hình thể, “nhìn không nhìn thấy, nghe không nghe thấy, bắt không bắt được” (Đạo Đức kinh, chương 14).

Như vậy, Đạo theo quan điểm của Lão Tử là một phạm trù khái quát, nó không chỉ một sự vật, hiện tượng cụ thể hữu hình mà là tất cả mọi vật từ đó sinh ra, là cái tồn tại vĩnh viễn, bất biến. Vạn vật dù muôn hình, muôn vẻ cũng chỉ là sự biểu hiện khác nhau của một cái duy nhất đó là *đạo*, và *đạo* không tồn tại ở đâu ngoài các sự vật hữu

hình, hữu danh, đa dạng và phong phú vô cùng tận. Vì thế, *đạo* vừa là duy nhất, vừa thiên hình, vạn trạng; vừa biến hóa, vừa bất biến. Căn cứ vào quan điểm ấy, Lão Tử đã kích quan điểm trời sang tạo ra thế giới và cho rằng, trời không phải là căn cứ của *đạo*, trái lại *đạo* có trước thần linh. (*Đạo Đức kinh*, chương 30).

**- Cả hai trường phái đều giải thích nguyên nhân sự vận động, biến đổi của vạn vật.**

+ *Nho gia*: Không tử cho rằng, vạn vật không ngừng biến đổi, sinh diệt theo đạo của mình. Đạo đó được ông gọi là “thiên lý”, được hiểu là sự tương tác giữa hai lực âm và dương, là quy luật tự nhiên, cho nên trời chỉ là giới tự nhiên, vận hành theo bốn mùa: “trời có nói gì đâu mà bốn mùa vẫn cứ vận hành, trăm vật sinh ra mãi”. Âm dương sinh ra ngũ hành (Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ), từ đó sinh ra mọi biến đổi trong xã hội.

+ *Đạo gia*: Lão Tử cho rằng bất cứ sự vật nào cũng là thể thống nhất của hai mặt đối lập, vừa xung khắc, dựa vào nhau vừa liên hệ, ràng buộc, bao hàm lẫn nhau. Ông nói: “*Ai cũng biết đẹp là đẹp tức là có cái xấu; hai mặt dài, ngắn tựa vào nhau mới có hình thể, hai mặt cao thấp liên hệ với nhau mới có chênh lệch*” (*Đạo Đức kinh*, chương 2). Và “*trong vạn vật, không vật nào không công âm, bồng dương*” (*Đạo Đức kinh*, chương 42). Theo đạo gia, âm dương sinh ra ba lực (Thiên, địa, nhân), từ đó sinh ra vạn vật

**\* Về nhân sinh quan**

Nho gia và Đạo gia đều quan tâm vấn đề “con người”. Đối với Nho gia, “Trong trời đất, con người là quý” (“Thiên địa chi tính nhân vi quý” - *Hiếu Kinh*, *Thánh trị*). Đối với Đạo gia, “Đạo lớn, trời lớn, đất lớn, người cũng lớn. Trong vũ trụ có bốn cái lớn, mà người là một trong số đó” (“Đạo đại, thiên đại, địa đại, nhân diệc đại. Vực trung hữu tứ đại, nhi nhân cư kỳ nhất yên” - *Chương 25, Lão Tử*).

Cả hai đều tập trung chủ yếu vào xã hội và con người, xây dựng, đào tạo con người, hướng tới sự thống nhất, hài hòa giữa con người và xã hội. Coi con người là chủ thể của đối tượng nghiên cứu. Việc nghiên cứu hướng vào nội tâm – luôn cố gắng tìm tòi về bản thân con người và xã hội xung quanh, ít quan tâm đến khoa học tự nhiên.

**- Bản tính nhân loại đều có một tính gốc**

+ *Nho Gia*: Tính gốc là tính thiện (Khổng Tử, Mạnh Tử) hay tính ác (Tuân Tử).